

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THÚY NGỌC

VIỆT NAM
VỚI NGHĨA VỤ PHÁP LÝ THÀNH VIÊN
NHÓM CHÂU Á- THÁI BÌNH DƯƠNG
VỀ CHỐNG RỬA TIỀN (APG)

Chuyên ngành: Luật quốc tế
Mã số : 60 38 60

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI- 2009

**Công trình được hoàn thành
Tại Khoa Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Người hướng dẫn khoa học:* PGS.TS Nguyễn Bá Diễn**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật-
Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi: giờ , ngày..... tháng năm 2009

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm tư liệu- Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN	8
1.1- Lý luận chung cho hoạt động phòng, chống rửa tiền	8
1.1.1- Khái niệm về rửa tiền.....	8
1.1.2- Cơ sở lý luận và thực tiễn cho hoạt động phòng, chống rửa tiền.....	11
1.1.3- Vai trò, tác động của hoạt động phòng, chống rửa tiền	13
1.1.4- Đặc điểm của hoạt động phòng, chống rửa tiền.....	15
1.2- Cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng, chống rửa tiền.....	18
1.2.1- Pháp luật quốc tế về phòng, chống rửa tiền.....	19
1.2.2- Pháp luật quốc gia về phòng, chống rửa tiền.....	22
1.3- Tổng quan về các tổ chức chống rửa tiền và các thiết chế, chế tài áp dụng.....	25
1.3.1- Các tổ chức chống rửa tiền trên thế giới.....	25
1.3.2- Các thiết chế và chế tài được áp dụng trong hoạt động chống rửa tiền	28
CHƯƠNG 2: NHÓM CHÂU Á- THÁI BÌNH DƯƠNG VỀ CHỐNG RỬA TIỀN (APG)	34
2.1- Lịch sử hình thành và phát triển của APG, vai trò, vị trí của APG.....	34
2.1.1- Lịch sử hình thành và phát triển của APG.....	34
2.1.2- Vai trò, vị trí của APG	35
2.2- Khái quát về tổ chức và hoạt động của APG.....	36
2.2.1- Khái quát về tổ chức của APG.....	36
2.2.2- Khái quát về hoạt động của APG.....	39
2.3- Vấn đề nghĩa vụ pháp lý thành viên APG.....	44
2.3.1- Khái quát chung về “nghĩa vụ pháp lý thành viên”.....	44
2.3.2- Nội dung Nghĩa vụ pháp lý thành viên của APG.....	45
2.4- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại một số nước thành viên APG	51
2.4.1- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại Liên bang Úc	51

2.4.2- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại Vương quốc Cam-pu-chia	53
2.4.3- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại In-đô-nê-xi-a	55
2.4.4- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền của Thái Lan.....	57

CHƯƠNG 3: VIỆT NAM- THÀNH VIÊN APG: THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG RỬA TIỀN.....

3.1- Lược sử quá trình gia nhập APG của Việt Nam	59
3.2- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Hình sự ..	61
3.2.1- Thực trạng.....	61
3.2.2- Xu hướng phát triển và các giải pháp hoàn thiện.....	65
3.3- Pháp luật về chống rửa tiền tại Việt Nam trong lĩnh vực Hành chính.....	76
3.3.1- Thực trạng.....	76
3.3.2- Xu hướng phát triển và giải pháp hoàn thiện.....	87
3.4- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Dân sự và Kinh tế.....	93
3.4.1- Thực trạng.....	93
3.4.2- Xu hướng pháp triển và giải pháp hoàn thiện.....	102
3.5- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Tố tụng.....	104
3.5.1- Thực trạng.....	105
3.5.2- Xu hướng phát triển và giải pháp hoàn thiện.....	120
3.6- Xây dựng pháp luật của Việt Nam về chống tài trợ cho khủng bố	126

KẾT LUẬN

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....

PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG

1- Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Nguy cơ hệ thống tài chính bị tội phạm quốc tế sử dụng để chu chuyển các luồng vốn, nguồn tiền bất hợp pháp và sử dụng nhằm tài trợ cho những hoạt động bất hợp pháp, đặc biệt là rửa tiền và tài trợ cho khủng bố là thách thức đối với toàn cầu. Đặc biệt, các nước đang phát triển hoặc chậm phát triển trên thế giới chịu sức ép của các thể lực kinh tế, các nước phát triển cũng như các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế trong vấn đề này. Một trong những biện pháp tích cực mà các quốc gia thành viên của các tổ chức chống rửa tiền trên thế giới và theo khu vực, trong đó có Việt Nam với tư cách là thành viên của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG), đang thực hiện là xây dựng và hoàn thiện các công cụ pháp lý nhằm phòng chống hoạt động rửa tiền và tài trợ cho khủng bố. Tác giả chọn đề tài này để nghiên cứu vì những lý do sau đây:

i) Mong muốn nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ về những nghĩa vụ thành viên mang những khía cạnh pháp lý liên quan tới chống rửa tiền, giúp cho Việt Nam hoàn thiện khung pháp luật của quốc gia theo các chuẩn mực quốc tế, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia khi cần thiết.

ii) Việc áp dụng các quy định pháp lý liên quan đến chống rửa tiền còn gặp nhiều khó khăn nên nghiên cứu thấu đáo những quy định mang tính chuẩn mực quốc tế liên quan đến nghĩa vụ pháp lý thành viên APG sẽ giúp cho các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có những giải pháp tối ưu cho việc hoàn thiện khung pháp lý về chống rửa tiền.

2- Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề chống rửa tiền được coi là mới mẻ ở Việt Nam. Một số đề tài, luận văn tốt nghiệp đại học và cao học nghiên cứu về những khía cạnh liên quan tới công tác phòng, chống rửa tiền nhưng chỉ dừng lại ở mức nghiên cứu khía cạnh hình sự của vấn đề mà chưa nghiên cứu một cách triệt để các khía

cạnh pháp lý khác của vấn đề. Các bài viết được đăng tải trên các trang web, các báo chữ chỉ đề cập tính cấp thiết hoặc nêu những vụ việc có vẻ ngoài chứa đựng các hành vi rửa tiền mà chưa nghiên cứu thấu đáo vấn đề pháp luật về chống rửa tiền một cách toàn diện, đầy đủ.

Hơn nữa, chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập tới trách nhiệm pháp lý thành viên của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG), cũng như chưa có bất cứ một công trình nào nghiên cứu pháp luật chống tài trợ cho khủng bố vì Việt Nam mới gia nhập thành viên APG từ tháng 5/2007.

Đề tài mang ý nghĩa lý luận cho việc xây dựng những quy phạm pháp luật đầy đủ, phù hợp với luật pháp quốc tế và là cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp cụ thể trong đấu tranh chống hoạt động rửa tiền nói riêng và hoạt động tội phạm nói chung. Hy vọng những kiến nghị của đề tài sẽ đem lại những kết quả thiết thực cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam nhằm mục đích vừa thực hiện đúng các cam kết quốc tế, vừa bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia, của các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

3- Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn trước hết là gắn kết một cách hệ thống những lý luận cơ bản về công tác phòng, chống rửa tiền, cơ chế phòng chống rửa tiền trên thế giới với những gì mà Việt Nam phải thực hiện với tư cách là thành viên của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG). Mục tiêu chủ yếu của luận văn, sau đó là, trên cơ sở lý luận và thực tiễn hệ thống pháp luật của Việt Nam về chống rửa tiền trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế và trong bối cảnh an ninh toàn cầu với những xu hướng mới, đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm trước mắt hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm thực hiện đầy đủ những cam kết của Việt Nam khi gia nhập thành viên Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền, góp phần minh bạch hóa, lành mạnh hóa

hệ thống tài chính, tiền tệ của Việt Nam, cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam, nâng cao vị thế chính trị của Việt Nam trên trường quốc tế.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu trên, tác giả luận văn đã đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, hệ thống hóa những kiến thức cơ sở về nỗ lực toàn cầu về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố;

- Nghiên cứu các yêu cầu, chuẩn mực pháp lý cùng cơ sở lý luận cho những yếu tố thuộc các yêu cầu mang tính nghĩa vụ pháp lý thành viên của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG);

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong việc xây dựng pháp luật về phòng chống rửa tiền; nhận xét, đánh giá xu hướng cải thiện pháp luật về vấn đề này ở Việt Nam; đồng thời, đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực hình sự, kinh tế, dân sự, hành chính và tố tụng.

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận cơ bản về phòng, chống rửa tiền; cơ chế hoạt động phòng, chống rửa tiền trên thế giới; hoạt động của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) và hệ thống pháp luật của Việt Nam so với chuẩn mực quốc tế, đồng thời cũng là những nghĩa vụ pháp lý trong APG mà Việt Nam phải thực hiện. Đề tài sẽ KHÔNG nghiên cứu và đề cập đến thực tiễn áp dụng các biện pháp, công cụ pháp lý cụ thể trong quá trình thực hiện cơ chế phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu đề tài này dưới góc độ của Luật quốc tế.

4- Cơ sở khoa học và thực tiễn, phương pháp nghiên cứu

Cơ sở khoa học

- Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong mọi lĩnh vực, kể cả trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và an ninh chính trị trên toàn thế giới; tính tất yếu và cũng

là nhu cầu của các quốc gia trong việc gia nhập các tổ chức quốc tế về chống rửa tiền, cùng với những yêu cầu phải hoàn thiện khung pháp luật trong nước nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế;

- Cùng với sự tự do hoá toàn cầu thì vấn đề an toàn, bí mật và hiệu quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào tính minh bạch của nền kinh tế, tài chính ngân hàng; các nước phải cân bằng giữa một bên là phát triển kinh tế, một bên là thắt chặt các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho chính nền kinh tế;

- Các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền được áp dụng đa dạng tùy thuộc vào tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ và luôn được nghiên cứu, thay đổi cho phù hợp với xu thế chung trên thế giới;

Cơ sở thực tiễn

- Các chương trình, kế hoạch nhằm thực hiện các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền đã được Chính phủ chấp thuận cho triển khai từng bước;

- Các báo cáo, số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trong công tác đấu tranh phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam;

Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp phân tích, so sánh các chuẩn mực quốc tế được coi là nghĩa vụ pháp lý phải thực hiện và tuân thủ đối với các nước thành viên thuộc APG và luật pháp của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra những điểm cơ bản, đặc trưng trong quy định của pháp luật quốc tế, xem xét tính phù hợp với điều kiện của Việt Nam; phân tích xu hướng hiện hành trên cơ sở tổng hợp kiến thức về cơ chế phòng, chống rửa tiền hiện có tại Việt Nam so với các quốc gia trên thế giới, tiếp thu có chọn lọc và thẩm nhuần quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, kế thừa những ưu việt vốn có trong hệ thống pháp luật Việt Nam để đề xuất những giải pháp mang tính hiện thực cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố.

5- Những đóng góp mới của đề tài:

Có thể xem đây là những đóng góp mới của đề tài:

- Hệ thống hóa được những khía cạnh cơ bản cùng cơ chế, thiết chế, chế tài áp dụng trong hoạt động phòng, chống rửa tiền trên thế giới;

- Là đề tài đầu tiên đề cập tới nghĩa vụ nói chung, nghĩa vụ pháp lý nói riêng của Việt Nam trong Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) với tư cách là thành viên chính thức;

- Đánh giá chuyên sâu, theo cách tiếp cận của luật so sánh, về tính tương thích của pháp luật Việt Nam so với những chuẩn mực quốc tế được coi là nghĩa vụ mà Việt Nam phải thực hiện khi gia nhập thành viên APG;

- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện một cách toàn diện pháp luật của Việt Nam về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố dưới nhiều góc độ khác nhau.

6- Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Kết quả nghiên cứu và những giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố trong thời gian ngắn hạn, phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước hiện nay và đáp ứng được nghĩa vụ pháp lý thành viên APG của Việt Nam. Bên cạnh đó, luận văn đã hệ thống hóa kiến thức về phòng chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố- một lĩnh vực khá mới mẻ tại Việt Nam, giúp cho người đọc tiếp cận được những kiến thức cơ bản về phòng, chống rửa tiền, hiểu biết về cơ chế chống rửa tiền ở các quốc gia và trên thế giới; đồng thời, cung cấp những thông tin hữu ích cho các nhà lập pháp và các nhà quản lý trong việc định hướng cho sự phát triển lâu dài về cơ chế phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam.

7- Kết cấu của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được thiết kế theo 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về hoạt động phòng, chống rửa tiền

Chương 2: Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)

Chương 3: Việt Nam- Thành viên APG: Thực trạng, xu hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về chống rửa tiền

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN VĂN

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

1.1- Lý luận chung cho hoạt động phòng, chống rửa tiền

1.1.1- Khái niệm về rửa tiền

Hoạt động rửa tiền được chia làm ba giai đoạn: (i) Sắp đặt; (ii) Phát tán; (iii) Quy tụ. Theo quy định trong Công ước Viên năm 1988 và Công ước Pa-léc-mô năm 2000: (i) Sự chuyển hoán hoặc chuyển nhượng tài sản; tài sản có nguồn gốc phạm tội; mục đích giấu giếm hoặc che đậy nguồn gốc phi pháp của tài sản hoặc tiếp tay cho cá nhân có hành vi phạm tội để tránh chịu hậu quả pháp lý; (ii) Việc giấu giếm hoặc che đậy bản chất thực, nguồn gốc, địa điểm, việc định đoạt, sự chuyển dịch, các quyền liên quan đến tài sản hoặc quyền sở hữu tài sản phạm tội; (iii) Việc có được, chiếm hữu hoặc sử dụng tài sản khi biết rằng tài sản này có được từ hành vi phạm tội hoặc từ việc tham gia vào hành vi phạm tội đó.

1.1.2- Cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động phòng, chống rửa tiền

- Quy luật tự nhiên: mâu thuẫn và tranh đấu luôn tồn tại;
- Rửa tiền là mối hiểm họa toàn cầu bởi những khoản tiền bẩn len lỏi, lũng đoạn nền kinh tế; tạo điều kiện cho việc phát triển các mạng lưới khủng bố tại nhiều quốc gia, mang lại những hậu quả khó lường đối với vấn đề an ninh quốc gia và quốc tế.

1.1.3- Vai trò, tác động của hoạt động phòng, chống rửa tiền

- Chuẩn mực chung cho một hệ thống phòng, chống rửa tiền góp phần làm minh bạch hóa hệ thống tài chính toàn cầu;
- Điều kiện tiên quyết để hội nhập kinh tế quốc tế;
- Góp phần tích cực trong hoạt động chống tội phạm và tham nhũng.
- Tăng cường sự ổn định của các định chế tài chính

1.1.4- Đặc điểm của hoạt động phòng, chống rửa tiền

- Nói tới hoạt động chống rửa tiền là nói tới cơ chế tịch thu tiền, tài sản do phạm tội mà có và cả những lợi nhuận phát sinh từ tiền, tài sản ấy mà ra;

- Hoạt động chống rửa tiền có nguồn gốc từ hoạt động ngăn chặn nguồn thu bất chính từ hoạt động buôn lậu ma túy trên thế giới;

- Hoạt động chống rửa tiền là hoạt động lấy “phòng” là chính, “phòng” có tốt thì “chống” mới mang lại hiệu quả thực sự.

- “Những khoản tiền đã được rửa” không bao giờ trở thành hợp pháp.

- Hoạt động phòng chống rửa tiền là hoạt động mang tính liên ngành.

1.2- Cơ sở pháp lý cho hoạt động phòng, chống rửa tiền

1.2.1- Pháp luật quốc tế về phòng, chống rửa tiền

- Chương trình Liên hợp quốc về Kiểm soát ma túy (UNDCP), Công ước Viên năm 1988;

- Công ước Pa-léc-mô năm 2000): Hình sự hóa hành vi rửa tiền; quy định tội phạm nguồn; Xây dựng các biện pháp phòng ngừa; hợp tác và trao đổi thông tin;

- Công ước của Liên hợp quốc về chống tài trợ cho khủng bố năm 1999 và các nghị định thư kèm theo: hình sự hóa chủ nghĩa khủng bố, các tổ chức khủng bố và các hành vi khủng bố;

- Các nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc về việc trừng trị những tổ chức, cá nhân khủng bố;

- 40+9 Khuyến nghị về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền;

- Điều khoản tham chiếu của APG.

1.2.2- Pháp luật quốc gia về phòng, chống rửa tiền

- Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/6/2005 về phòng, chống rửa tiền

- Điều kiện giải ngân của các dự án vay vốn nước ngoài;

1.3- Tổng quan về các tổ chức chống rửa tiền và các thiết chế, chế tài áp dụng

1.3.1- Các tổ chức chống rửa tiền trên thế giới

- Liên hợp quốc;

- Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF);

- Các tổ chức quốc tế khác.

1.3.2- Cơ chế và chế tài được áp dụng trong hoạt động chống rửa tiền

- Hội đồng Bảo an: các biện pháp đảm bảo an ninh thế giới, chống khủng bố;

- Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF): các biện pháp đối với các nước thành viên không tự nguyện thực hiện Bốn chín khuyến nghị về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố; các biện pháp về tài chính; cơ chế xác định các nước và vùng, lãnh thổ bất hợp tác (NCCT's);

- Các tổ chức chống rửa tiền khu vực có cách thức hoạt động, có những thiết chế và quy trình áp dụng các chế tài gần giống nhau.

CHƯƠNG 2

NHÓM CHÂU Á- THÁI BÌNH DƯƠNG VỀ CHỐNG RỬA TIỀN (APG)

2.1- Lịch sử hình thành và phát triển của APG, vai trò, vị trí của APG

2.1.1- Lịch sử hình thành và phát triển của APG

Tại diễn đàn về chống rửa tiền khu vực châu Á lần thứ tư (tức là diễn đàn lần cuối) tại Bangkok từ ngày 25 đến 27/2/1997, APG đã được thành lập như một tổ chức tự quả, liên chính phủ trong khu vực theo thỏa thuận thống nhất. Điều khoản tham chiếu được coi là Điều lệ hoạt động của APG.

2.1.2- Vai trò, vị trí của APG:

APG có 5 vai trò chính là: Đánh giá tính tuân thủ; Điều phối hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo với các tổ chức và các quốc gia tài trợ trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương; Tham gia và phối hợp với mạng lưới chống rửa tiền toàn cầu; Nghiên cứu và phân tích xu hướng và các phương thức rửa tiền và tài trợ cho khủng bố; Tham gia phát triển chính sách toàn cầu về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố.

2.2- Khái quát về tổ chức và hoạt động của APG

2.2.1- Khái quát về tổ chức của APG

- Là tổ chức tự nguyện, liên chính phủ;
- Tài liệu có tính lập hiến của APG là “Điều khoản tham chiếu”;
- Cơ cấu: Đồng Chủ tịch; Ban điều hành; Ban thư ký; Các nhóm làm việc;

2.2.2- Khái quát về hoạt động của APG

APG nhóm họp thường xuyên 2 lần trong năm. Những cuộc họp đó là: hội nghị thường niên và hội thảo mô hình. APG cũng hình thành nên các Nhóm

làm việc theo từng thời kỳ để kiểm tra những vấn đề cụ thể, quan trọng đối với tư cách thành viên của APG.

2.3- Vấn đề nghĩa vụ pháp lý thành viên APG:

2.3.1- Khái quát chung về “nghĩa vụ pháp lý thành viên”:

Nghĩa vụ pháp lý thành viên được hiểu là điều mà một thành viên trong một nhóm, một tổ chức phải thực hiện có liên quan tới pháp luật, hoạt động pháp luật hay hệ thống pháp luật để thực hiện cam kết, thỏa thuận thống nhất giữa thành viên đó với các thành viên khác trong nhóm, tổ chức đó.

2.3.2- Nội dung Nghĩa vụ pháp lý thành viên của APG:

- “Các thể chế thành viên sẽ thực hiện 40 Khuyến nghị theo những giá trị nguyên tắc văn hoá và cơ chế hiến pháp riêng của mình, cho phép họ có sự chủ động theo mức độ nhạy cảm của từng vấn đề thay vì quy định bắt buộc từng chi tiết cụ thể”;

- Cam kết “thực hiện phù hợp với pháp luật quốc gia tất cả các Nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc liên quan tới tài trợ cho khủng bố; thực hiện 8 Khuyến nghị đặc biệt của FATF về chống tài trợ cho khủng bố” và năm 2004 “cam kết thực hiện Khuyến nghị đặc biệt số 9 do FATF đưa ra vào ngày 24/10/2004”.

2.4- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại một số nước thành viên APG

2.4.1- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại Liên bang Úc

Hành vi rửa tiền được hình sự hóa trong khoản 400 của Bộ luật Hình sự của Úc. Úc truy tố tội rửa tiền thông qua hành vi rửa các khoản thu từ tội phạm được điều chỉnh bởi Luật về các khoản thu phạm tội (POCA).

Trung tâm phân tích báo cáo giao dịch Úc (AUSTRAC) đóng 2 vai trò: là một cơ quan tình báo tài chính (FIU) và là đơn vị quản lý về chống rửa tiền. AUSTRAC là cơ quan độc lập trực thuộc Chính phủ trong khối Tổng chương lý.

2.4.2- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại Vương quốc Cam-pu-chia

Đầu năm 2008, Đơn vị tình báo tài chính của Cam-pu-chia mới được thành lập và là một đơn vị Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Quốc gia Cam-pu-chia. Theo Luật thì một Ban Giám đốc (tương tự như Ủy ban liên ngành ở các nước) sẽ được thành lập với sự tham gia của đại diện các Bộ, ban ngành: Văn phòng

Nội các, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Kinh tế và Tài chính, Ngân hàng Quốc gia Cam-pu-chia.

Hành vi rửa tiền được miêu tả trong Luật chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố của Cam-pu-chia cụ thể, nhưng lại không hình sự hóa hành vi đó. Việc hình sự hóa hành vi rửa tiền chỉ được nêu trong Luật phòng chống ma túy của Cam-pu-chia và tội phạm nguồn chỉ giới hạn ở tội phạm liên quan tới ma túy.

2.4.3- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền tại In-đô-nê-xi-a:

Năm 2005, In-đô-nê-xi-a mới được đưa ra khỏi danh sách các quốc gia, vùng và lãnh thổ không hợp tác do FATF đưa ra (NCCT's list).

Hành vi rửa tiền được hình sự hóa trong Điều 3 và Điều 6 Luật chống rửa tiền của In-đô-nê-xi-a. Đất nước này sử dụng đồng thời hai phương thức là phương thức liệt kê và phương thức ngưỡng phạt để xác định tội phạm nguồn. Hành vi tài trợ cho khủng bố được hình sự hóa trong Luật chống khủng bố có hiệu lực từ năm 2002.

PPATK- FIU của In-đô-nê-xi-a là cơ quan chủ chốt trong cơ chế phòng chống rửa tiền tại nước này và là đơn vị độc lập, báo cáo trực tiếp lên Tổng Thống. Người đứng đầu của PPATK làm thư ký cho Ủy ban quốc gia về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố tại In-đô-nê-xi-a. Ủy ban này do Bộ trưởng các vấn đề về chính trị, pháp lý và an ninh làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch là Bộ trưởng Kinh tế, các thành viên gồm các Bộ trưởng các Bộ, ngành liên quan.

2.4.4- Khái quát pháp luật về chống rửa tiền của Thái Lan:

Vào năm 2007, Ủy ban phòng chống rửa tiền Thái Lan được hình thành.

Luật chống rửa tiền của Thái Lan đã hình sự hóa được hầu như tất cả các hành vi rửa tiền theo Công ước Viên nhưng chỉ xác định 8 tội danh được coi là tội phạm nguồn của tội rửa tiền,

FIU của Thái Lan có tên gọi là Văn phòng phòng chống rửa tiền (AMLO) được thành lập theo Luật chống rửa tiền từ năm 1999. Văn phòng này trước năm 2006 trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Thái Lan, sau năm 2006 chịu sự giám sát trực tiếp của Bộ trưởng tư pháp.

Mặc dù pháp luật Thái Lan cũng đã hình sự hóa hành vi khủng bố nhưng chưa phù hợp với các công ước quốc tế về chống khủng bố.

CHƯƠNG 3

**VIỆT NAM- THÀNH VIÊN APG: THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG, GIẢI PHÁP
HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG RỬA TIỀN**

3.1- Lược sử quá trình gia nhập APG của Việt Nam

- Trong những năm 2000-2005, Việt Nam được mời tham dự Hội nghị thường niên của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) với tư cách là quan sát viên.

- Ngày 04/5/2007, Việt Nam được chính thức trở thành thành viên thứ 34 của APG.

3.2- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Hình sự:

3.2.1- Thực trạng:

- Điều 251 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (BLHS) đã quy định tội danh “hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có”: không mô tả cụ thể các hành vi rửa tiền; Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 7/6/2005 về phòng, chống rửa tiền (Nghị định số 74) đưa ra khái niệm tương đối rõ ràng về “rửa tiền” là hành vi của cá nhân, tổ chức tìm cách hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có thông qua việc trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào một giao dịch liên quan đến tiền, tài sản do phạm tội mà có; thu nhận, chiếm giữ, chuyển dịch, chuyển đổi, chuyển nhượng, vận chuyển, sử dụng, vận chuyển qua biên giới tiền, tài sản do phạm tội mà có; hoặc đầu tư vào một dự án, một công trình, góp vốn vào một doanh nghiệp hoặc tìm cách khác che giấu, nguy trang hoặc cản trở việc xác minh nguồn gốc, bản chất thật sự hoặc vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản do phạm tội mà có.

- Điều 250 BLHS quy định tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đáp ứng một phần khách thể của tội rửa tiền theo khái niệm quốc tế và được coi là một trong những điều khoản của pháp luật Việt Nam trừng trị tội phạm rửa tiền.

- Một trong những đặc điểm của pháp luật hình sự Việt Nam là không áp dụng các chế tài hình sự đối với pháp nhân.

3.2.2- Xu hướng phát triển và các giải pháp hoàn thiện:

a- Xu hướng phát triển:

- Khuyến nghị của FATF: hình sự hóa hành vi rửa tiền trên cơ sở Công ước Viên và Công ước Palécmô; mở rộng khái niệm rửa tiền tới bất kỳ loại tài sản nào, bất kể giá trị của nó hay cách thức (trực tiếp hay gián tiếp) mà nó có

được từ các loại tội phạm nguồn; tội phạm nguồn của tội rửa tiền phải gồm những tội phạm nghiêm trọng theo luật pháp của một quốc gia; tội rửa tiền cần được áp dụng đối với những người đã phạm tội phạm nguồn. Khuyến nghị 2 của FATF yêu cầu các nước đảm bảo rằng, tội rửa tiền phải được áp dụng đối với thể nhân thực hiện hành vi rửa tiền một cách có ý thức.

b- Giải pháp hoàn thiện pháp luật Hình sự Việt Nam:

- Thiết kế Khoản 1 Điều 251 BLHS sao cho khái quát được mọi hành vi rửa tiền theo hai Công ước quốc tế “tội rửa tiền”;

- Sửa đổi tội danh theo Điều 250 và thiết kế Khoản 1 Điều 250 BLHS sao cho khái quát được yêu cầu của 2 Công ước về việc hình sự hóa các hành vi liên quan “Tội chiếm giữ, có được hoặc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có”.

- Xác định danh sách tội phạm nguồn nên rõ ràng, cụ thể để các cơ quan chức năng, khi tiến hành điều tra, truy tố hay xét xử những tội phạm nguồn đã phải có hướng xử lý đối với tội phạm liên quan như tội rửa tiền hay tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có; việc xác định các hành vi cụ thể bị xử lý hình sự hay hành chính cần phải được liệt kê cụ thể trong pháp luật chuyên ngành.

- Chính sửa Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 74 về phòng, chống rửa tiền cho phù hợp với hai điều luật được kiến nghị sửa đổi nêu trên cho phù hợp.

- Bổ sung điều khoản về việc phạt hành chính đối với pháp nhân khi có những hành vi rửa tiền như được miêu tả trong 2 điều của Bộ luật Hình sự (với sự tham gia của những nhân vật chủ chốt của pháp nhân, hành vi rửa tiền có tính chất hệ thống hay có tổ chức chứ không phải là hành vi riêng biệt của một cá nhân thuộc pháp nhân đó).

3.3- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Hành chính

3.3.1- Thực trạng:

a- Về Trung tâm Thông tin phòng, chống rửa tiền

- Trung tâm thông tin phòng, chống rửa là đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có chức năng làm đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin, có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp tài liệu, hồ sơ các thông tin về các giao dịch nêu tại Điều 9, 10 Nghị định số 74, cung cấp tài liệu, thông tin theo quy định của Nghị định

- So với những chuẩn mực quốc tế đặt ra cho một FIU thì Trung tâm Thông tin phòng, chống rửa tiền còn chưa đáp ứng được với những lý do: chưa có sự độc lập về tài chính, chưa có tính độc lập trong việc quyết định về nhân

sự, trong phân tích và chuyển giao các giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ là rửa tiền và cũng chưa đáp ứng được những yêu cầu về kỹ thuật, về phương thức hoạt động.

b- Về các cơ quan có thẩm quyền khác:

- Theo Khuyến nghị số 27 của FATF, các cơ quan thực thi pháp luật phải được giao trách nhiệm điều tra về rửa tiền và tài trợ cho khủng bố; được áp dụng các kỹ thuật điều tra đặc biệt như: thả lỏng có kiểm soát, đặc tình và các kỹ thuật khác; có khả năng thu thập được những tài liệu và thông tin để sử dụng cho việc điều tra, truy tố và các hoạt động có liên quan; các giám sát viên phải có quyền hạn thích hợp để giám sát và đảm bảo sự tuân thủ các yêu cầu đấu tranh phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố của các định chế tài chính, bao gồm cả thẩm quyền tiến hành các hoạt động thanh tra. Các cơ quan có thẩm quyền tham gia vào chống rửa tiền và tài trợ khủng bố những nguồn kỹ thuật, nhân lực và tài chính; phải thiết lập quy trình để đảm bảo nhân viên các cơ quan này có sự liêm khiết cao.

- Tại Việt Nam, Pháp lệnh số 23/2004/PL/UBTVQH11 ngày 20/8/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về tổ chức điều tra các vụ án hình sự, Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/6/2005 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền, Luật phòng, chống ma túy của Việt Nam, Bộ luật tố tụng hình sự 2003, Luật Thanh tra quy định tương đối đầy đủ quyền hạn của các cơ quan, tổ chức trong việc điều tra tội phạm, thanh tra, giám sát hoạt động tài chính, ngân hàng.

3.3.2- Xu hướng phát triển và giải pháp hoàn thiện:

- Đề án phát triển cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng và Nghị định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đưa Trung tâm là một đơn vị thuộc Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

- Đề xuất: (1) Sửa đổi Nghị định số 96 để đảm bảo ít nhất vị trí của Trung tâm Thông tin phòng, chống rửa tiền là một đơn vị Cục trực thuộc Ngân hàng Nhà nước; (2) Về lâu dài, hoạt động phòng, chống rửa tiền cần có một văn bản luật điều chỉnh, trong đó, Trung tâm Thông tin phòng, chống rửa tiền cần được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ bởi tính nhạy cảm và bí mật của dữ liệu thông tin mà Trung tâm này thu nhận và cung cấp. (3) Cần có cơ chế tuyển dụng, đào tạo và cơ chế tài chính độc lập cho Trung tâm được quy định dưới hình thức Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. (4) Nghiên cứu, điều chỉnh các văn bản pháp luật hành chính liên quan về tổ chức

và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền khác trong công tác phòng, chống rửa tiền để đảm bảo những cơ quan này có đủ chức năng, quyền hạn trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền. (5) Giữ nguyên chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin phòng, chống rửa tiền như được quy định trong Nghị định số 74 nhưng chỉnh sửa quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 74 theo hướng: các tổ chức thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm thanh tra tuân thủ về phòng, chống rửa tiền và phải gửi một bản biên bản kết luận thanh tra, nếu như trong cuộc thanh tra đó phát hiện dấu hiệu của những giao dịch đáng ngờ hay có liên quan đến hoạt động rửa tiền. (6) Chỉnh sửa mức phạt tại Điều 24 của Nghị định số 74 sao cho phù hợp với Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính mới được Quốc hội thông qua năm 2008 và có tính răn đe hơn (mức cao nhất có thể) để đảm bảo tính tuân thủ trong vấn đề này. (7) Sớm ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và kèm theo đó là Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo liên ngành về phòng chống rửa tiền, theo đó, giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm cơ quan thường trực cho Ban chỉ đạo. (8) Cần bổ sung vai trò, vị trí thành viên của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong Ủy ban quốc gia về chống khủng bố để đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế liên quan tới chống tài trợ cho khủng bố và chống khủng bố quốc tế.

3.4- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Dân sự và Kinh tế

3.4.1- Thực trạng

- Bộ Luật Dân sự quy định về việc bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu. Luật các tổ chức tín dụng quy định tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng không được che giấu, thực hiện bất kỳ dịch vụ nào liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp. Luật chứng khoán thì trung tâm lưu ký chứng khoán và thành viên lưu ký có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

- Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/06/2005 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền quy định "Thông tin liên quan tới các giao dịch được báo cáo theo Nghị định này được bảo quản theo chế độ mật và chỉ được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Các cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện trách nhiệm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo Nghị định thì không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật tiền

gửi và tài sản gửi của khách hàng hay các quy định khác về đảm bảo bí mật thông tin cho khách hàng".

- Nhận xét: Pháp luật Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của FATF về khía cạnh pháp lý liên quan đến việc bảo mật thông tin và quyền của cơ quan chức năng trong việc tiếp cận thông tin cho quản lý. Pháp luật Việt Nam đã có những quy định rõ ràng về điều kiện cấp phép, về thủ tục, hồ sơ cần có để được đăng ký kinh doanh và về trách nhiệm của các định chế phải nhận dạng người thụ hưởng của các giao dịch tài chính nhưng thiếu cụ thể, rõ ràng về người chủ thụ hưởng thật sự trong các giao dịch hoặc người kiểm soát, đứng đằng sau các pháp nhân hay đằng sau các giao dịch tài chính đó. Pháp luật Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc quản lý các thoả thuận pháp lý, đảm bảo tìm hiểu được về chủ thụ hưởng thật sự và những người đứng kiểm soát đằng sau đó. Pháp luật của Việt Nam quy định nghĩa vụ báo cáo và mức, ngưỡng báo cáo chung cho các định chế tài chính và các loại hình kinh doanh và ngành nghề phi tài chính mà chưa có sự cân nhắc tới những đặc thù trong hoạt động của từng loại hình kinh doanh này.

3.4.2- Xu hướng phát triển và giải pháp hoàn thiện:

- Ban hành hướng dẫn, yêu cầu các định chế tài chính phải xác định chủ thụ hưởng thực sự hoặc người kiểm soát đứng đằng sau một giao dịch hay một pháp nhân nào đó có giao dịch với định chế tài chính.

- Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn báo cáo giao dịch tiền mặt lớn và giao dịch đáng ngờ đối với từng loại hình định chế tài chính hay loại hình kinh doanh và ngành nghề phi tài chính chỉ định; đồng thời hướng dẫn, ban hành quy trình xử lý các giao dịch đáng ngờ, cách thức ứng xử của tổ chức, cá nhân đã thực hiện báo cáo các báo cáo theo quy định.

- Nghiên cứu, chỉnh sửa các văn bản pháp luật liên quan tới việc cấp phép, điều chỉnh hoạt động của các tổ chức kinh tế, các cá nhân, tổ chức đầu tư nước ngoài vào Việt Nam để có thể kiểm soát được tính chất hợp pháp của các nguồn tiền vào Việt Nam.

3.5- Pháp luật về chống rửa tiền của Việt Nam trong lĩnh vực Tổ tụng

3.5.1- Thực trạng:

a- Các khuyến nghị của FATF:

Khuyến nghị 3 của FATF về các biện pháp tạm thời, tịch thu tài sản; Khuyến nghị 27 của FATF yêu cầu các quốc gia phải đảm bảo rằng các cơ quan thi hành pháp luật được giao trách nhiệm về điều tra chống rửa tiền và tài trợ khủng bố; Khuyến nghị 36 yêu cầu các quốc gia không được ngăn cấm hoặc đưa ra những điều kiện hạn chế không hợp lý hay không thỏa đáng về các điều khoản hỗ trợ pháp lý; Khuyến nghị 37 của FATF yêu cầu các nước hỗ trợ pháp lý cho nhau ngay cả khi không có tội phạm kép, trong phạm vi tốt nhất có thể; Khuyến nghị 38 yêu cầu các nước phải có cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các hành động khẩn trương để trả lời các yêu cầu hợp tác của nước khác; Khuyến nghị 39 yêu cầu các nước công nhận tội phạm rửa tiền là loại tội phạm có thể dẫn độ; theo đó, nếu một quốc gia khác yêu cầu dẫn độ thì quốc gia được yêu cầu phải dẫn độ công dân nước mình.

b- Pháp luật Việt Nam:

- Cơ sở pháp luật để thực hiện tịch thu, phong tỏa và tạm giữ tiền và tài sản do phạm tội mà có tại Việt Nam gồm: Bộ Luật Hình sự Việt Nam năm 1999, Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS), Luật Ngân hàng nhà nước năm 1997 (sửa đổi năm 2003); Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi năm 2004); Pháp lệnh ngoại hối năm 2005; Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2002 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; Nghị định 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 của Chính phủ về thanh toán thông qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Nghị định 74/2005/NĐ-CP ngày 7/6/2005 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền.

- Pháp luật Việt Nam chưa có bất cứ một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định trình tự, thủ tục phong tỏa tài khoản, tịch thu tài sản tài trợ cho khủng bố hay giải tỏa những tài sản này nếu như Ủy ban trừng phạt theo Nghị quyết 1267 quyết định đưa tên ra khỏi danh sách những kẻ khủng bố hay tài trợ cho khủng bố.

- Liên quan tới các biện pháp tạm thời, pháp luật Việt Nam có một số quy định và nằm rải rác ở một số điều luật, trong các văn bản quy phạm khác nhau. Pháp luật hình sự và tố tụng hình sự hiện hành không có quy định trực tiếp và cụ thể về quyền nhận dạng, truy nguyên và đánh giá tài sản thuộc diện bị tịch thu.

- Pháp luật Việt Nam không quy định cụ thể về việc tịch thu tài sản của tổ chức phạm tội theo cơ chế “tịch thu dân sự” theo Khuyến nghị 3.

- Nghĩa vụ chứng minh trong pháp luật Tố tụng Hình sự của Việt Nam thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng; bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội.

- Pháp luật Việt Nam đã quy định cụ thể về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự đối với tất cả các loại tội phạm, trong đó bao gồm cả tội phạm rửa tiền và tài trợ cho khủng bố. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có quy định riêng nào về quy trình phản hồi các yêu cầu trợ giúp pháp lý đa phương từ các quốc gia bên ngoài liên quan tới việc nhận dạng, phong toả, bắt giữ và tịch thu tài sản được tẩy rửa, các khoản thu được từ hoạt động rửa tiền hoặc các loại tội phạm khác, các công cụ được sử dụng hoặc có ý đồ được sử dụng để thực hiện các hành động phạm tội cũng như việc hợp tác phối hợp với các nước để thực hiện phong toả hay tịch thu tài sản nói trên.

- Bộ luật Tố tụng Hình sự và Luật Tương trợ tư pháp đã có những quy định tương đối đầy đủ về dẫn độ, nhưng không quy định dẫn độ công dân của mình, cũng không có quy định xử lý khi không dẫn độ.

- Pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể nào liên quan tới việc tịch thu tài sản trong trường hợp tài sản đã được gộp với những tài sản có nguồn gốc hợp pháp.

3.5.2- Xu hướng phát triển và giải pháp hoàn thiện:

- Sửa đổi Điều 41 BLHS để cho phép tịch thu không chỉ tiền, tài sản do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy, hoặc bị tẩy rửa theo cách khác mà có. Trong trường hợp tài sản do phạm tội mà có đã bị tiêu hủy hoặc vì một lý do nào đó không thu hồi được thì cho phép tịch thu tiền hoặc tài sản có giá trị tương đương.

- Sửa Điều 41 để quy định rõ ràng công cụ, phương tiện định sử dụng vào việc phạm tội cũng thuộc đối tượng bị tịch thu.

- Ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng biện pháp tịch thu tiền, tài sản, trong đó hướng dẫn cụ thể việc tịch thu trong trường hợp tài sản đã bị nhập chung vào khối tài sản có nguồn gốc hợp pháp.

- Nghiên cứu để có thể bổ sung Bộ Luật Tố tụng Hình sự theo hướng đề cao trách nhiệm từ phía bị can, bị cáo trong việc chứng minh nguồn gốc hợp pháp của tài sản thuộc diện bị tịch thu.

- Bổ sung, chỉnh sửa Bộ luật Tố tụng hình sự để bao gồm tất cả các biện pháp tạm thời- bao gồm cả biện pháp ngăn chặn theo quy định hiện hành (cả

đối với chính nghi can, cả đối với những người khác có liên quan, và cả đối với tài sản là đối tượng có thể bị tịch thu).

- Có hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục thực hiện từng biện pháp tạm thời (phong tỏa tài khoản, niêm phong tài sản, tạm giữ người và tài sản- không phải “phong tỏa tài sản” như Nhóm chuyên gia UNODC đề xuất như ở trên).

- Cần quy định cụ thể cách thức phản hồi nhanh kèm theo chức năng của từng cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống rửa tiền nhằm đáp ứng được yêu cầu của các khuyến nghị của FATF.

- Xem xét việc sửa đổi, bổ sung vào Luật Tương trợ tư pháp để đảm bảo tích tương thích của pháp luật Việt Nam với Khuyến nghị của FATF theo hướng: nếu việc từ chối dẫn độ với lý do là công dân Việt Nam theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì cần phải có quyết định cụ thể về việc giao đối tượng bị yêu cầu dẫn độ cho các cơ quan có thẩm quyền của mình để tiến hành truy tố, xét xử tội phạm được ghi trong yêu cầu.

- Bổ sung một số quy định về trình tự thủ tục thực hiện yêu cầu dẫn độ của nước ngoài vào các hiệp định song phương về dẫn độ và tiếp tục đẩy mạnh việc ký kết các hiệp định này với các nước.

3.6- Xây dựng pháp luật của Việt Nam về chống tài trợ cho khủng bố

- Việc các quốc gia phải tự nguyện thực hiện những nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc là nguyên tắc của luật pháp quốc tế.

- Khuyến nghị đặc biệt của FATF về chống tài trợ cho khủng bố.

- Việt Nam đã gia nhập Công ước của Liên hợp quốc về trấn áp tài trợ cho khủng bố vào ngày 25/9/2002. Vào cuối năm 2007, Thủ tướng Chính phủ có chỉ thị số 25/2007/CT-TTG chỉ đạo một số biện pháp cấp thiết nhằm phòng, chống khủng bố trong tình hình mới. Tiếp đó, tháng 11/2008, Bộ Công an với vai trò là cơ quan thường trực của Chính phủ về phòng, chống khủng bố đã có hướng dẫn số 02 yêu cầu Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, triển khai các biện pháp chống tài trợ cho khủng bố nhưng lại không có hướng dẫn về việc xử lý những giao dịch tài chính liên quan tới những tổ chức và cá nhân khủng bố.

- Bộ luật Hình sự năm 1999 của Việt Nam chưa quy định tội danh “tài trợ cho khủng bố” mà hành vi này trên thực tế được xử lý theo chế định “đồng phạm” được quy định tại Điều 20 của Bộ luật. Bộ Tư pháp hiện đang chủ trì xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự năm 1999, trong đó dự kiến đưa tội danh “tài trợ cho khủng bố” vào một điều riêng

biệt nhằm đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên hợp quốc về trấn áp tài trợ cho chủ nghĩa khủng bố.

- Cần tiếp tục nghiên cứu để có thủ tục, quy trình cụ thể, rõ ràng trong một văn bản quy phạm pháp luật cho việc phong tỏa tiền, tài sản phạm tội nói chung; từ đó, tiến tới xây dựng quy trình đặc biệt cho việc phong tỏa tiền, tài sản liên quan tới hoạt động hay tổ chức, cá nhân khủng bố.

- Cần có quy định cụ thể về việc xử lý tài sản có liên quan tới tài trợ cho khủng bố, cũng như chưa có bất cứ hướng dẫn nào cho việc niêm phong, tịch thu hay gỡ bỏ niêm phong, bỏ việc tịch thu tiền, tài sản được dùng hoặc dự định được dùng để tài trợ cho khủng bố.

KẾT LUẬN

Vấn đề chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố được coi là mới mẻ ở Việt Nam. Tuy đã có một số đề tài, luận văn tốt nghiệp đại học và cao học nghiên cứu về những khía cạnh, trong đó có cả những khía cạnh pháp lý liên quan tới công tác phòng, chống rửa tiền nhưng các đề tài, luận văn này chỉ dừng lại ở mức nghiên cứu khía cạnh hình sự của vấn đề mà chưa nghiên cứu một cách triệt để các khía cạnh pháp lý khác của vấn đề. Hơn nữa, chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập tới trách nhiệm pháp lý thành viên của Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) cũng như chưa có bất cứ một công trình nào nghiên cứu pháp luật chống tài trợ cho khủng bố, những mối liên hệ của nó với việc phòng, chống rửa tiền. Trong xu thế hội nhập hiện nay và trước những sự kiện quốc tế sâu sắc mang tính chính trị, an ninh toàn cầu thì việc nghiên cứu một cách có hệ thống về vấn đề này mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Đề tài mang ý nghĩa lý luận cho việc xây dựng những quy phạm pháp luật đầy đủ, phù hợp với luật pháp quốc tế và là cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các biện pháp cụ thể trong đấu tranh chống hoạt động rửa tiền, tài trợ cho khủng bố nói riêng và hoạt động tội phạm nói chung.

Vì đây là một công trình nghiên cứu mang tính cơ sở, cơ bản và có hệ thống cả về mặt khái niệm cũng như những yếu tố mang tính pháp lý liên quan tới tính quốc tế trong công tác phòng, chống rửa tiền nên tác giả đề tài đã đi từ những điều đơn giản nhất: từ khái niệm, từ những hiểu biết chung nhất về lĩnh vực này tới những vấn đề mang tính chuyên sâu hơn như các chuẩn mực quốc tế cơ bản nhất, liên quan nhiều nhất tới hệ thống pháp lý của bất cứ một quốc gia nào, kể cả Việt Nam, khi tiến hành hoạt động phòng, chống rửa tiền. Tác

giả đã đề cập tới luật pháp quốc tế, tới những yêu cầu, chuẩn mực quốc tế, những nghĩa vụ mà Việt Nam phải thực hiện với tư cách là thành viên Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) và phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam trong các lĩnh vực hình sự, kinh tế, dân sự và tổ tụng trên những khía cạnh liên quan tới nội dung đề tài, đồng thời đưa ra những khuyến nghị phù hợp trong từng lĩnh vực cụ thể.

APG tuyên bố là một tổ chức tự trị và không có tên trong danh sách các tổ chức liên chính phủ thực sự nhưng với sự tham gia của hầu hết các cơ quan chính phủ của một quốc gia trong việc thực hiện nghĩa vụ thành viên trong Nhóm này thì ta có thể khẳng định: đây là một tổ chức liên chính phủ, có mô hình như Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) do các nước G7 lập nên. Tham gia thành viên APG gồm có 39 quốc gia, vùng và lãnh thổ thuộc khu vực Châu Á- Thái Bình Dương. Việt Nam là thành viên thứ 34 của APG và có nghĩa vụ thực hiện các cam kết của một thành viên như bao thành viên khác của APG. Tác giả đề tài đã khẳng định việc thực hiện nghĩa vụ thành viên là cần thiết và đó không chỉ là hành động theo nguyên tắc của luật pháp quốc tế mà còn là bước đi đúng đắn để trước hết minh bạch hóa nền kinh tế nước nhà, sau để củng cố vững chắc vị thế chính trị của Việt Nam trước con mắt cộng đồng thế giới. Và việc thực hiện nghĩa vụ này kéo theo sự cần thiết phải nghiên cứu để bổ sung, sửa đổi pháp luật trong nước cho phù hợp và đáp ứng được những yêu cầu tối thiểu của chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố.

Pháp luật về chống rửa tiền và pháp luật về chống tài trợ cho khủng bố được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau ở các nước khác nhau. Xét đến tính hiệu quả của cơ chế phòng chống rửa tiền trong thời gian ngắn trước mắt, khi chưa có đủ cơ sở pháp lý cho việc xây dựng một bộ luật hoàn hảo, tác giả đề tài đã đứng trên góc độ thực tế của vấn đề để nghiên cứu, phân tích để có thể đưa ra những giải pháp có tính bao quát nhất, có tính khả thi nhất trong ngắn hạn.

Đối với pháp luật trong lĩnh vực hình sự, những kiến nghị của tác giả chủ yếu liên quan tới việc sửa đổi Điều 251 của Bộ Luật Hình sự năm 1999 theo hướng cho phù hợp với 2 công ước quốc tế là Công ước Pa-léc-mô về chống tội phạm xuyên quốc gia và Công ước Viên về chống buôn lậu ma túy và các chất hướng thần. Sự sửa đổi phải theo hướng điều chỉnh bao quát được mọi hành vi rửa tiền, kể cả hành vi của chính người đã có hành vi phạm tội tiền thân, và cả hành vi của người không phạm tội tiền thân. Mặc dù có những kiến nghị chỉnh

sửa cho phù hợp với các chuẩn mực quốc tế song kiến nghị của tác giả không đi ngược lại những nguyên tắc của pháp luật Việt Nam là: không áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân.

Dưới góc độ nhìn nhận, so sánh pháp luật trong lĩnh vực hành chính với những yêu cầu mang tính chuẩn mực quốc tế, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị liên quan tới những quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của đơn vị tình báo tài chính (FIU) tại Việt Nam- Trung tâm Thông tin phòng, chống rửa tiền để đơn vị này có và thực hiện được những chức năng cơ bản của mình, xứng đáng với vai trò là một cơ quan có tầm quan trọng cốt lõi trong việc cắt các nguồn tài chính của tội phạm và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm của một quốc gia. Bên cạnh đó, tác giả cũng kiến nghị chỉnh sửa Nghị định số 74 cho phù hợp với Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua tháng 4/2008. Điều quan trọng nhất là, tác giả kiến nghị thành lập Ban chỉ đạo liên ngành về phòng, chống rửa tiền, khác với ý kiến đề xuất của cơ quan chức năng hiện nay. Tuy nhiên, tác giả đề tài vẫn còn e ngại chưa đưa ra những kiến nghị liên quan tới các quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức và hoạt động của các cơ quan khác có thẩm quyền và trách nhiệm trong hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Tác giả đề tài đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và dân sự đối với công cuộc đấu tranh phòng, chống rửa tiền của một quốc gia. Tác giả đã kiến nghị chỉnh sửa pháp luật theo hướng đảm bảo các giao dịch tài chính, ngân hàng được minh bạch hơn, đảm bảo những người chủ thụ hưởng thật sự của các giao dịch phải được nhận biết; đảm bảo các định chế được hướng dẫn chi tiết trong việc báo cáo các giao dịch đáng ngờ. Những kiến nghị của tác giả chỉ dừng ở mức kiến nghị một cách chung nhất để các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu và triển khai cho phù hợp với chương trình đã được Chính phủ phê duyệt và phù hợp với điều kiện, bối cảnh và khả năng quản lý trong từng lĩnh vực.

Đối với pháp luật trong lĩnh vực tố tụng, mà ở đây là lĩnh vực tố tụng hình sự, tác giả mạnh dạn đưa ra những quan điểm và kiến nghị của mình về việc: tịch thu tiền, tài sản do phạm tội mà có (trong đó bao gồm cả vấn đề về nghĩa vụ chứng minh); quy định về các biện pháp tạm thời; quy định về việc phản hồi các yêu cầu trợ giúp pháp lý đa phương, trong đó có việc phản hồi những yêu cầu về điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền và các yêu cầu trao

đổi thông tin trong quá trình phân tích các giao dịch đáng ngờ; quy định về dẫn độ. Phải nói rằng, đây là những vấn đề có tính chất phức tạp và các cơ quan chức năng còn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, ở một khía cạnh nào đó, lĩnh vực tổ tụng hình sự mang yếu tố chủ quyền quốc gia nên tác giả đề tài cũng chỉ mạnh dạn đưa ra những trao đổi, kiến nghị chung nhất có tính khả thi nhất mà thôi.

Hiện nay trên thế giới, khái niệm phòng chống rửa tiền luôn được nhắc cùng với những vấn đề xung quanh việc chống tài trợ cho khủng bố. Mặc dù nêu cụ thể những yêu cầu của quốc tế về chống tài trợ cho khủng bố, nếu xâu chuỗi lại, ta vẫn có thể thấy tác giả đề cập tới vấn đề này riêng và gắn chống tài trợ cho khủng bố với vấn đề chống khủng bố và an ninh quốc gia.

Chỉ gói gọn trong vòng khoảng hơn 140 trang, tác giả đề tài đã nỗ lực nêu một cách khái quát nhất những gì cơ bản nhất về pháp luật của Việt Nam trong các lĩnh vực khác nhau so với những yêu cầu của quốc tế nhằm thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam trong Nhóm Châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG). Những kiến nghị của đề tài hy vọng sẽ đem lại những kết quả thiết thực cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam nhằm mục đích vừa thực hiện đúng các cam kết quốc tế, vừa bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia, của các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Tác giả hy vọng rằng với sự đầu tư thích đáng, kết quả nghiên cứu sẽ là một tài liệu tham khảo có ý nghĩa.